

Số: 3313 /QĐ-ĐHGD

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

ngành: Sư phạm Lịch sử

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3626/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;



Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Xét đề nghị của Trường Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học ngành Sư phạm Lịch sử, mã số ngành đào tạo: 7140218.

Điều 2. Chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học ngành Sư phạm Lịch sử ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho sinh viên từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trường Phòng Đào tạo, Chủ nhiệm khoa Sư phạm, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- ĐHQGHN (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT (3).



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Nguyễn Quý Thanh

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số: 3313 /QĐ-ĐHGD ngày 29 tháng 12 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Giáo dục)

NGÀNH: SƯ PHẠM SƯ PHẠM LỊCH SỬ

MÃ SỐ: 7140218

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chương trình đào tạo:

+ Tiếng Việt: Sư phạm Lịch sử.

+ Tiếng Anh: History Teacher Education.

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Sư phạm Toán học.

+ Tiếng Anh: History Teacher Education.

- Mã số ngành đào tạo: 7140218

- Trình độ đào tạo: Đại học.

- Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân.

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt.

- Thời gian đào tạo chuẩn: 04 năm.

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tên tiếng Việt: Cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử.

+ Tên tiếng Anh: The Degree of Bachelor in History Teacher Education.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình trang bị cho người học các kiến thức cơ bản, cốt lõi về khoa học Lịch sử, khoa học giáo dục, có năng lực sư phạm và các kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo dục, đào tạo hiện nay ở nước ta; đồng thời có đủ kiến thức và năng lực học tiếp lên các bậc cao hơn và có khả năng tự học để hoàn thiện, nâng cao năng lực chuyên môn trong công việc. Sau khi tốt nghiệp, người học có thể tham gia đào tạo môn Lịch sử theo như khung chương trình đào tạo

quốc gia mới của Bộ Giáo dục và đào tạo; có thể đảm nhiệm các công việc nghiên cứu trong các cơ quan nghiên cứu về khoa học xã hội, khoa học giáo dục.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử, người học có thể:

Phân tích, hệ thống và vận dụng những kiến thức về Lịch sử, những kỹ năng thực hành, thực tập, ngoại ngữ, tin học vào thực tế dạy học cũng như vận dụng vào công việc nghiên cứu, xây dựng các dự án giáo dục, nghiên cứu các vấn đề thuộc khoa học xã hội;

Phát triển các phương pháp dạy học tích cực, xây dựng quy trình kiểm tra – đánh giá hiệu quả học tập của học sinh, biết cân nhắc để lựa chọn và vận dụng những phương pháp và công nghệ dạy học phù hợp vào thực tiễn dạy học;

Phát triển kỹ năng phân tích các kiến thức về môi trường học đường, về các đặc điểm tâm sinh lý của học sinh, các hoạt động xã hội, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo để đề xuất được các biện pháp và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện của nhà trường;

Có khả năng phân tích chương trình giáo dục và quy trình, định hướng phát triển của chương trình giáo dục để vận dụng vào việc xây dựng, phát triển chương trình giáo dục của nhà trường và địa phương cũng như chương trình học phần.

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử, người học có các kỹ năng khác:

- Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu;
- Có kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề;
- Có kỹ năng hợp tác, làm việc theo nhóm;
- Có kỹ năng giao tiếp (bằng ngôn ngữ, trong đó có ngoại ngữ);
- Có kỹ năng thiết lập các mối quan hệ cộng đồng.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

Thông tin tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh, đề án tuyển sinh được ĐHQGHN phê duyệt và hướng dẫn tuyển sinh đại học hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN.

3.2. Đối tượng dự tuyển

Theo quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế tuyển sinh đại học của ĐHQGHN và Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.

3.3. Dự kiến quy mô tuyển sinh

Theo chỉ tiêu được giao hàng năm. ✓

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

PLO1. Vận dụng được sự hiểu biết căn bản về chính trị, văn hóa, xã hội, hệ thống giáo dục, pháp luật Việt Nam và bối cảnh hội nhập quốc tế vào trong lĩnh vực công tác và trong đời sống.

PLO2. Vận dụng được kiến thức sư phạm học (pedagogy), giáo học pháp (didactics) và kiến thức tâm lý học phát triển trong xây dựng kế hoạch dạy học, thực hành giảng dạy, các hoạt động giáo dục và hoạt động kiểm tra, đánh giá liên quan.

PLO3. Phân tích được chương trình giáo dục phổ thông hoặc chương trình giáo dục mầm non để xây dựng và phát triển chương trình giáo dục nhà trường; thực hiện được các hoạt động giáo dục người học và quản lý lớp học.

PLO4. Thể hiện được về sự hiểu biết về chương trình môn học và kiến thức nội dung của chuyên ngành.

PLO5. Vận dụng được kiến thức cơ bản, nâng cao về chuyên ngành Lịch sử cho bậc học phổ thông. Đồng thời, có kiến thức tích hợp liên môn nhằm giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

PLO6. Xác định được các phương pháp dạy học đặc trưng của môn Lịch sử, từ đó lựa chọn được các phương pháp dạy học phù hợp với mục tiêu, đối tượng, hình thức tổ chức dạy học, nội dung dạy học.

PLO7. Vận dụng sáng tạo các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông.

PLO8. Xây dựng kế hoạch, phát triển chương trình môn Lịch sử ở nhà trường phổ thông.

PLO9. Mở rộng được hiểu biết về các ngành khoa học có liên quan (như văn học, địa lí, nghệ thuật, báo chí truyền thông,...) tạo được phong nền văn hóa phong phú cho một người giáo viên Lịch sử trong xã hội hiện đại.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

PLO10. Kết hợp được tư duy phản biện và năng lực giải quyết vấn đề trong giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực chuyên môn và thực tiễn cuộc sống.

PLO11. Sử dụng được những công nghệ giáo dục mới (cả phần cứng và phần mềm) trong thực hiện hoạt động nghề nghiệp tương lai.

PLO12. Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và giao tiếp ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

PLO13. Vận dụng được kiến thức tâm lý học, có kiến thức về sức khỏe tâm thần để quản lý được cảm xúc bản thân, xây dựng được các mối quan hệ hiệu quả với

người học, với cha mẹ học sinh, với đồng nghiệp và các bên liên quan khác trong giáo dục nhà trường.

PLO14. Giải quyết những vấn đề phát sinh trong hoạt động chuyên môn hiệu quả và sáng tạo.

PLO15. Học hỏi, hợp tác và làm việc theo nhóm; xác định phương pháp làm việc hiệu quả cho từng loại công việc, hỗ trợ và thu hút được sự tham gia của đồng nghiệp;

3. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO16. Làm việc tự chủ, độc lập, chuyên nghiệp cũng như khả năng hợp tác, trách nhiệm, khát vọng cống hiến và giao tiếp hiệu quả; Tự định hướng, thích nghi trong các môi trường làm việc khác nhau; Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

PLO17. Tư vấn các chính sách cho cán bộ quản lý, giáo viên trong nhà trường; lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; hướng dẫn và giám sát các thành viên thực hiện nhiệm vụ, ...

PLO18. Đánh giá và cải tiến thường xuyên các hoạt động chuyên môn.

PLO19. Làm việc tận tâm, chuyên nghiệp, nêu cao tinh thần hợp tác.

PLO20. Tham gia hiệu quả các cộng đồng phát triển chuyên môn.

4. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Dạy học môn Lịch sử ở các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng;

- Làm cán bộ, chuyên viên trong các cơ quan quản lý giáo dục, viện nghiên cứu có liên quan đến lĩnh vực giáo dục;

- Làm chuyên viên, nhà báo, biên tập viên trong các cơ quan truyền thông, các tạp chí, nhà xuất bản.

5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Có đủ khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ sau đại học thuộc các chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học Lịch sử, Quản lý giáo dục; Đo lường và đánh giá trong giáo dục, Quản trị trường học,...

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của CTĐT (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, kỹ năng bổ trợ): **139 tín chỉ**

- **Khối kiến thức chung** (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, kỹ năng bổ trợ): **21 tín chỉ**
- **Khối kiến thức theo lĩnh vực:** **25 tín chỉ**
- **Khối kiến thức theo khối ngành:** **11 tín chỉ**
 - + Bắt buộc: **8 tín chỉ**
 - + Tự chọn: **3 tín chỉ/17 tín chỉ**
- **Khối kiến thức theo nhóm ngành:** **44 tín chỉ**
 - + Bắt buộc: **31 tín chỉ**
 - + Tự chọn: **13 tín chỉ/22 tín chỉ**
- **Khối kiến thức ngành:** **38 tín chỉ**
 - + Bắt buộc: **8 tín chỉ**
 - + Tự chọn: **18 tín chỉ/22 tín chỉ**
 - + Thực tập: **7 tín chỉ**
 - + Khóa luận tốt nghiệp: **5 tín chỉ**



2. Khung chương trình đào tạo

Stt	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I.	Khối kiến thức chung (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, kỹ năng bổ trợ)		21				
1	PHI1006	Triết học Mác-Lênin <i>Marxist-Leninist Philosophy</i>	3	42	6	102	
2	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác-Lênin <i>Marxist-Leninist Political Economy</i>	2	28	4	68	
3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	28	4	68	
4	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of Vietnamese Communist Party</i>	2	28	4	68	
5	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	28	4	68	
6	THL1057	Nhà nước và Pháp luật đại cương <i>General State and Law</i>	2	28	4	68	
7		Ngoại ngữ B1 <i>Foreign Language B1</i>	5	75	0	175	
8	EDT2003	Tin học cơ sở <i>Basic of Informatics</i>	3	30	30	90	
9	TMT2100	Kỹ năng bổ trợ <i>Soft skills</i>	3				
10		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4	8	52	0	
11		Giáo dục quốc phòng – an ninh <i>National Defence Education</i>	8				
II	Khối kiến thức theo lĩnh vực		25				
12	PSE2008	Tâm lí học giáo dục <i>Education Psychology</i>	4	45	30	125	
13	PSE2009	Nhập môn Khoa học giáo dục <i>Introduction of Educational Science</i>	3	30	30	90	
14	EDT2001	Nhập môn Công nghệ giáo dục <i>Introduction of Educational Technology</i>	2	25	10	65	

Stt	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
15	EAM2052	Nhập môn Đo lường và đánh giá trong giáo dục <i>Introduction to measurement and evaluation in education</i>	2	25	10	65	
16	EAM3002	Nhập môn Thống kê ứng dụng trong giáo dục <i>Introduction to Applied statistics in education</i>	3	30	30	90	
17	PSE2004	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục <i>Research Methodology in Education</i>	3	30	30	90	
18	EDM2013	Nhập môn Khoa học quản lý trong giáo dục <i>Introduction to management science in education</i>	2	25	10	65	
19	TMT3013	Đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục <i>Ethics of Educator</i>	4	0	30	170	
20	PSE2012	Nhập môn Khoa học nhận thức <i>Introduction to Cognitive Sciences</i>	2	25	10	65	
III.	Khối kiến thức theo khối ngành		11				
III.1.	Các học phần bắt buộc		8				
21	TMT3009	Lý luận dạy học <i>Teaching Theories and Instruction</i>	3	30	30	90	PSE2008 PSE2009
22	TMT4052	Sư phạm số <i>Digital Pedagogy</i>	3	30	30	90	
23	TMT1008	Tổ chức hoạt động thực hành, trải nghiệm và hướng nghiệp ở trường phổ thông <i>Organising practice, experiential and vocational activities in school</i>	2	25	10	65	
III.2	Các học phần tự chọn		3/17				
24	PSE2007	Tham vấn tâm lý học đường* <i>Psychological Counseling in Schools</i>	3	30	30	90	PSE2008 PSE2009

Stt	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
25	TMT1003	Phương pháp dạy học hiện đại <i>Modern Teaching Methodology</i>	3	45	0	105	
26	TMT1004	Thực hành kĩ thuật dạy học tích cực <i>Practices of active teaching techniques</i>	3	15	60	75	
27	EAM3015	Đánh giá năng lực người học <i>Learners' Competence Assessment</i>	2	24	12	64	
28	EDM2001	Phát triển chương trình giáo dục <i>School Education Curriculum Development</i>	3	40	10	100	
29	EDM2002	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo <i>Administrative Management and Management of Education</i>	3	40	10	100	
IV.	Khôi kiến thức theo nhóm ngành		44				
IV.1	Các học phần bắt buộc		31				
30	HIS2061	Lịch sử Việt Nam cổ- trung đại <i>Ancient and Medieval History of Vietnam</i>	4	60	0	140	
31	HIS2019	Lịch sử Việt Nam cận đại <i>Modern History of Vietnam</i>	3	45	0	105	HIS2061
32	HIS2104	Lịch sử Việt Nam hiện đại <i>Contemporary History of Vietnam</i>	4	60	0	140	HIS2019
33	HIS2064	Lịch sử Thế giới cổ-trung đại <i>Ancient and Medieval History of the World</i>	4	60	0	140	
34	HIS2006	Lịch sử Thế giới cận đại <i>Modern History of the World</i>	3	45	0	105	HIS2064
35	HIS2065	Lịch sử Thế giới hiện đại <i>Contemporary History of the World</i>	4	60	0	140	HIS2006
36	TMT2112	Tiến trình văn minh nhân loại <i>The progress of human civilization</i>	3	30	30	90	

Stt	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
37	LIN2033	Dẫn luận ngôn ngữ học <i>Introduction to Linguistics</i>	3	30	30	90	
38	TMT4013	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam <i>Socio-Economic geography of Viet Nam</i>	3	30	30	90	
IV.2.	Các học phần tự chọn		13/22				
39	HIS1056	Cơ sở văn hoá Việt Nam <i>Vietnamese cultural establishments</i>	3	45	0	105	
40	HIS3138	Làng xã Việt Nam trong lịch sử <i>Vietnamese Villages in history</i>	3	45	0	105	HIS2061
41	HIS3139	Đô thị cổ Việt Nam <i>Ancient Cities of Vietnam</i>	3	45	0	105	HIS2061
42	SIN3055	Hán Nôm cơ sở <i>Basic Sino-Nom</i>	4	60	0	140	
43	HIS3018	Các tôn giáo trên thế giới <i>World Religions</i>	2	30	0	70	
44	HIS2016	Sự phát triển kinh tế- xã hội của các nước Đông Bắc Á <i>Socio-Economic Development in the East-Asian Countries</i>	2	30	0	70	
45	HIS2017	Sự phát triển kinh tế- xã hội của các nước Đông Nam Á <i>Socio-Economic Development in the Southeast Asian Countries</i>	2	30	0	70	
46	HIS3078	Sử liệu học và các nguồn sử liệu lịch sử Việt Nam <i>The Study of Historical Documents and Historical Sources in Vietnam</i>	3	45	0	105	
V.	Khối kiến thức ngành		38				
V.1.	Các học phần bắt buộc		8				
47	TMT2067	Phương pháp dạy học Lịch sử <i>Methodology of History Teaching</i>	4	45	30	125	

Stt	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
48	TMT2068	Thực hành dạy học Lịch sử <i>Practice of History Teaching</i>	4	45	30	125	TMT2067
V.2.	Các học phần tự chọn		18/22				
49	TMT2063	Thực hành sử dụng phương tiện công nghệ trong dạy học Lịch sử <i>Practice of Using Technology in History Teaching</i>	3	30	30	90	
50	HIS3107	Một số phương pháp nghiên cứu lịch sử <i>Some Methods in Historical Research</i>	4	45	30	125	
51	TMT2113	Đánh giá năng lực trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông <i>Competence Assessing in Highschool History Teaching</i>	3	30	30	90	
52	TMT4603	Nghiên cứu và dạy học Lịch sử địa phương <i>Teaching Local History in schools</i>	2	25	10	65	
53	TMT3019	Các cuộc phát kiến địa lí <i>Geographic discoveries</i>	2	30	0	70	
54	HIS3082	Quan hệ thương mại truyền thống ở khu vực Biển Đông <i>Traditional Trade Relations in the East Sea</i>	2	30	0	70	HIS2064
55	HIS3024	Đặc điểm quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh <i>Main Features of International Relations after the Cold War</i>	2	30	0	70	HIS2065
56	HIS3025	Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ từ sau Chiến tranh Thế giới thứ hai <i>The U.S Foreign Policies after World War II</i>	2	30	0	70	HIS2065
57	HIS3163	Biến đổi kinh tế- xã hội Việt Nam trong lịch sử <i>Vietnam's Socio - Economic Transformation in history</i>	2	30	0	70	HIS2104
V.3	Kiến thức thực tập và tốt nghiệp		12				

Stt	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
58	TMT3055	Thực tập sư phạm và rèn nghề 1 <i>Educational practicum and apprenticeship1</i>	3	15	60	75	
*59	TMT3056	Thực tập sư phạm và rèn nghề 2 <i>Educational practicum and apprenticeship2</i>	4	15	90	95	
60	TMT4050	Khóa luận tốt nghiệp <i>Undergraduate Thesis</i>	5	0	0	250	
Tổng cộng			139				

Ghi chú:

- Các học phần tự chọn gắn dấu *: Là học phần tự chọn có định hướng.
- Học phần Tiếng Anh B1 là học phần Ngoại ngữ B1 bắt buộc sinh viên phải hoàn thành trong Chương trình đào tạo. Sinh viên có thể sử dụng chứng chỉ B1 các ngoại ngữ khác (theo quy định của ĐHQGHN) để công nhận chuẩn đầu ra.

